



# CÔNG BÁO

*Tỉnh Quảng Trị*

Số 80

Ngày 24 tháng 12 năm 2025

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- |            |   |    |
|------------|---|----|
| 15-12-2025 | Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu. | 03 |
| 15-12-2025 | Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu.         | 17 |
| 15-12-2025 | Quyết định số 49/2025/QĐ-UBND quy định mức hỗ trợ tiền ăn đối với các lực lượng và những người được điều động, huy động tham gia chữa cháy rừng ở cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hằng ngày trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.            | 30 |

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

- |            |  |    |
|------------|--|----|
| 11-12-2025 | Nghị quyết số 60/NQ-HĐND kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030. | 32 |
|------------|--|----|

- |            |  |    |
|------------|--|----|
| 11-12-2025 | Nghị quyết số 63/NQ-HĐND về việc cho ý kiến về dự kiến Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2026 (lần 1).                                     | 37 |
| 11-12-2025 | Nghị quyết số 65/NQ-HĐND biên chế cán bộ, công chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2026.           | 44 |
| 11-12-2025 | Nghị quyết số 66/NQ-HĐND về việc bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 từ nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước. | 46 |

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2025/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 15 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15*

*Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2024/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2023/TT-BTC;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6073/TTr-STC ngày 01/12/2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2025.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình làm đại diện chủ sở hữu hết hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh làm đại diện chủ sở hữu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

**Giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND)*

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thực hiện và trách nhiệm của các sở, ngành trong công tác giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu theo điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 87/2015/NĐ-CP về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước. Trường hợp quy định của pháp luật về xổ số khác quy định tại Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về xổ số.

Những nội dung chưa quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 và các văn bản pháp luật liên quan hiện hành.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (gọi tắt là UBND tỉnh Quảng Trị);
- Doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (gọi tắt là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) do UBND tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu;
- Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm không quá 50% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu (gọi tắt là Người đại diện);

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Trị thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu.

### **Điều 3. Mục đích giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động**

1. Đánh giá đầy đủ, kịp thời tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp để có biện pháp khắc phục tồn tại, hoàn thành mục tiêu, kế hoạch kinh doanh, nhiệm vụ công ích, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

2. Giúp UBND tỉnh kịp thời phát hiện các yếu kém trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cảnh báo và đề ra biện pháp chấn chỉnh.

3. Thực hiện công khai minh bạch tình hình tài chính của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

4. Nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

### **Điều 4. Tổ chức giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động**

#### **1. Chủ thể giám sát**

a) UBND tỉnh thực hiện giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; giám sát tài chính đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước.

b) UBND tỉnh giao Sở Tài chính làm đầu mối, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thực hiện công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp do UBND tỉnh quyết định thành lập.

Đối với doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước thực hiện chức năng giám sát thông qua Người đại diện.

#### **2. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

a) Tổ chức thực hiện và tổng hợp kết quả giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, Thông tư số 200/2015/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có

vốn nhà nước được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

b) Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để làm căn cứ giám sát, đánh giá và xếp loại doanh nghiệp; cho ý kiến để Người đại diện phần vốn nhà nước biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển để làm căn cứ giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và xếp loại Người đại diện.

c) Khi phát hiện tình hình tài chính, công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro, phải cảnh báo kịp thời cho doanh nghiệp, Sở Tài chính chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh để chỉ đạo doanh nghiệp có giải pháp kịp thời ngăn chặn, khắc phục các rủi ro, yếu kém; đưa ra các biện pháp chấn chỉnh và xử lý sai phạm về quản lý tài chính của doanh nghiệp.

d) Thực hiện quản lý hệ thống thông tin quản lý tài chính doanh nghiệp; chủ trì phối hợp với các doanh nghiệp thực hiện công khai thông tin doanh nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính.

đ) Tổng hợp việc tổ chức thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các kiến nghị của cơ quan tài chính, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc xử lý các sai phạm và biện pháp tăng cường giám sát tài chính doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước. Báo cáo đề xuất xử lý kỷ luật đối với người quản lý doanh nghiệp trong các trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo đúng quy định và không chấp hành các khuyến nghị, chỉ đạo trong báo cáo giám sát của UBND tỉnh, các cơ quan thực hiện giám sát tài chính.

## **Chương II**

### **GIÁM SÁT ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 5. Giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp**

Việc giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Chương 2 Nghị định 87/2015/NĐ-CP và Chương 2 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC, trong đó:

1. Doanh nghiệp lập báo cáo tình hình đầu tư vốn nhà nước đã đầu tư vào doanh nghiệp năm trước theo biểu mẫu quy định tại Điều 4 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC, gửi về Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 4 hàng năm.

2. Căn cứ báo cáo của doanh nghiệp, Sở Tài chính lập báo cáo tình hình đầu tư vốn nhà nước đã đầu tư vào doanh nghiệp năm trước đối với từng doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo các nội dung quy định tại Điều 4 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 5 hàng năm.

3. Trên cơ sở báo cáo tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp năm trước, UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 5 hàng năm.

### **CHƯƠNG III**

## **GIÁM SÁT TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC**

### **Mục 1. KẾ HOẠCH GIÁM SÁT TÀI CHÍNH**

#### **Điều 6. Kế hoạch tài chính**

1. Việc xây dựng kế hoạch tài chính hằng năm của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước được thực hiện theo quy định định tại Điều 33 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, Điều 8 Thông tư số 36/2021/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ, trong đó:

a) Căn cứ kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước lập kế hoạch tài chính năm tiếp theo, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm. Kế hoạch tài chính được lập theo Biểu mẫu tại Phụ lục số 02 - Mẫu số 01 “Kế hoạch tài chính của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước” kèm theo Thông tư số 36/2021/TT-BTC.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chính thức bằng văn bản để doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoàn chỉnh kế hoạch tài chính.

c) Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở để Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giám sát, đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

#### **Điều 7. Kế hoạch giám sát tài chính**

1. Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh lập kế hoạch giám sát

tài chính theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

2. Kế hoạch giám sát tài chính được Ủy ban nhân dân phê duyệt và công bố trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

## **Mục 2** **GIÁM SÁT TÀI CHÍNH**

### **Điều 8. Nội dung giám sát**

Nội dung giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP; Điều 5 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC và Điều 6, Điều 7 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

### **Điều 9. Phương thức giám sát của chủ sở hữu**

1. Giám sát tài chính thực hiện bằng phương thức giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp, giám sát trước, giám sát trong, giám sát sau, trong đó tập trung việc giám sát trước và giám sát trong nhằm phát hiện kịp thời các rủi ro về tài chính, hạn chế trong quản lý tài chính của doanh nghiệp và có cảnh báo, giải pháp xử lý. Hàng năm chủ sở hữu thực hiện giám sát tại doanh nghiệp ít nhất là một (01) lần/năm.

2. Việc kiểm tra, thanh tra thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật về kiểm tra, thanh tra.

### **Điều 10. Trách nhiệm của doanh nghiệp**

1. Tổ chức giám sát tài chính trong nội bộ doanh nghiệp

a) Doanh nghiệp phải tổ chức tự giám sát. Chủ thể tự giám sát trong nội bộ doanh nghiệp là Kiểm soát viên và kiểm soát nội bộ (nếu có).

b) Mục đích giám sát

Doanh nghiệp tự giám sát diễn biến về hoạt động của doanh nghiệp để phát hiện kịp thời những tồn tại, vướng mắc và ngăn chặn, khắc phục những nguy cơ mất an toàn về tài chính; rủi ro trong quản lý tài chính của doanh nghiệp, trong sản xuất, kinh doanh; đưa ra các quyết định về quản lý điều hành, các biện pháp xử lý, hoặc kiến nghị với chủ sở hữu, với cơ quan chức năng của Nhà nước quyết định những vấn đề không thuộc thẩm quyền của doanh nghiệp.

c) Phương thức thực hiện sẽ thực hiện giám sát theo các hình thức giám sát trước, trong và sau hoạt động của doanh nghiệp. Giám sát nội bộ doanh nghiệp được thực hiện theo các quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa

đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Luật số 68/2025/QH15, Điều lệ doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

## 2. Trách nhiệm của doanh nghiệp

a) Xây dựng và ban hành các quy trình quản lý phục vụ giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: lập báo cáo tài chính hợp nhất, quy trình quản lý rủi ro tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh;

b) Doanh nghiệp phải lập báo cáo kết quả công tác giám sát tài chính nội bộ định kỳ hàng năm theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu (nếu có);

c) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động của bộ phận kiểm soát nội bộ nói riêng và doanh nghiệp nói chung, đảm bảo thu thập được thông tin về các chỉ tiêu giám sát tài chính doanh nghiệp;

d) Lập và gửi các báo cáo phục vụ công tác giám sát tài chính theo quy định của cơ quan tài chính và của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Quy chế này;

đ) Được quyền thuê tổ chức dịch vụ tư vấn tài chính để xây dựng chỉ tiêu giám sát tài chính đặc thù (nếu có), báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt làm cơ sở để tổ chức thực hiện;

e) Có trách nhiệm thuê công ty cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán độc lập theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu để soát xét lại số liệu tài chính của doanh nghiệp

f) Khi doanh nghiệp có các dấu hiệu mất an toàn về tài chính theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, doanh nghiệp phải chủ động và báo cáo kịp thời cho UBND tỉnh và Sở Tài chính.

g) Xây dựng và thực hiện ngay các biện pháp để ngăn chặn, khắc phục các nguy cơ mất an toàn tài chính doanh nghiệp, rủi ro trong quản lý tài chính doanh nghiệp khi có cảnh báo của cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính;

h) Thực hiện đầy đủ kịp thời các chỉ đạo, khuyến nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính trong các báo cáo giám sát. Trường hợp không thống nhất, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến chỉ đạo, khuyến nghị, doanh nghiệp báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính. Khi cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính đưa ra ý kiến cuối cùng thì doanh nghiệp có trách nhiệm phải thực hiện các ý kiến đó.

**Điều 11. Chế độ thông tin, báo cáo**

1. Định kỳ 6 tháng, hàng năm, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có trách nhiệm lập Báo cáo đánh giá tình hình tài chính theo nội dung quy định và mẫu biểu nêu tại khoản 2, Điều 5 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC và gửi về Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 7 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

2. Căn cứ báo cáo của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước lập báo cáo giám sát tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều này và các tài liệu có liên quan, Sở Tài chính kiểm tra, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, tổng hợp kết quả giám sát tài chính và lập báo cáo kết quả giám sát tài chính theo Biểu 03 ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC gửi UBND tỉnh trước ngày 20 tháng 8 hằng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 25 tháng 5 năm tiếp theo đối với báo cáo năm để UBND tỉnh thông qua kết quả giám sát và gửi về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 8 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31 tháng 5 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

**Mục 3  
GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐẶC BIỆT****Điều 12. Quyết định giám sát tài chính đặc biệt**

Sở Tài chính căn cứ các dấu hiệu mất an toàn tài chính quy định tại Điều 24 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP để chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc UBND tỉnh thống nhất, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định đưa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước vào diện giám sát đặc biệt và thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 25 và Điều 26 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

**Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc diện giám sát đặc biệt**

1. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt có trách nhiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Điều 27 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính theo biểu mẫu tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC và các văn bản có liên quan.

2. Thời hạn báo cáo, tần suất báo cáo

a) Thời hạn báo cáo: Báo cáo tháng gửi trước ngày 05 của tháng tiếp theo; Báo cáo quý gửi trước ngày 15 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo; Báo cáo năm gửi trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

b) Tần suất báo cáo do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại Quyết định giám sát tài chính đặc biệt.

#### **Mục 4**

### **ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 14. Tổ chức thực hiện việc đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước**

Việc đánh giá hiệu quả và xếp loại của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước phải căn cứ vào quy định tại Điều 29 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, Điều 11 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC.

#### **Điều 15. Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp 100% vốn nhà nước**

Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP; Điều 12 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC.

#### **Điều 16. Phương pháp đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước**

Phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 30, Nghị định số 87/2015/NĐ-CP; Điều 14 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC.

#### **Điều 17. Tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước**

##### **1. Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước**

a) Căn cứ các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động quy định tại Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và các chỉ tiêu do UBND tỉnh giao, tự đánh giá và xếp loại do doanh nghiệp gửi Sở Tài chính thẩm định;

b) Báo cáo đánh giá và xếp loại doanh nghiệp hằng năm được lập theo biểu mẫu 05.A kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC và gửi cho Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo.

##### **2. Sở Tài chính**

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan thẩm định báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật hàng năm của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đối với lĩnh vực mình quản lý, tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích được giao

của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi lấy ý kiến Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trước ngày 30 tháng 6 hàng năm (sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính).

## **CHƯƠNG IV GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC**

### **Điều 18. Nội dung giám sát của chủ sở hữu**

UBND tỉnh thực hiện giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP; các Điều 8, 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC.

### **Điều 19. Phương thức giám sát**

1. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Việc giám sát tài chính thực thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh do Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp báo cáo. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về quản lý tài chính doanh nghiệp, UBND tỉnh chỉ đạo Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp yêu cầu Ban Kiểm soát doanh nghiệp thực hiện kiểm tra về việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp.

2. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Việc giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

### **Điều 20. Chế độ thông tin, báo cáo**

1. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

a) Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 200/2015/TT-BTC gửi Sở Tài chính và UBND trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

b) Căn cứ báo cáo của Người đại diện lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Sở Tài chính kiểm tra, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp và tổng hợp kết quả giám sát tài chính chính theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC gửi UBND tỉnh trước ngày 25 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 25 tháng 5 năm tiếp theo đối với báo cáo năm để UBND tỉnh thông qua kết quả giám sát và gửi về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31 tháng 5 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

2. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ

a) Định kỳ hàng năm, Người đại diện lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC gửi Sở Tài chính và UBND tỉnh trước ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

b) Căn cứ báo cáo của Người đại diện lập theo quy định tại a khoản 2 Điều này, Sở Tài chính kiểm tra, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp và tổng hợp kết quả giám sát tài chính theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC gửi UBND tỉnh trước ngày 25 tháng 5 năm tiếp theo để UBND tỉnh thông qua kết quả giám sát và gửi về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 5 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

## **Chương V** **CÔNG KHAI THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

### **Điều 21. Công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước**

Doanh nghiệp thực hiện công khai thông tin tài chính theo nội dung quy định tại Mục 2 Chương V Nghị định số 87/2015/NĐ-CP (trước ngày 15 tháng 8 của năm báo cáo đối với báo cáo tài chính 6 tháng và trước 31 tháng 5 của năm tiếp theo đối với báo cáo tài chính năm); thực hiện công khai thông tin tài chính bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

### **Điều 22. Công khai thông tin của UBND tỉnh về tình hình đầu tư, quản lý, sử dụng vốn đầu tư vào doanh nghiệp**

Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh thực hiện công khai thông tin theo quy định tại Mục 3 Chương V Nghị định số 87/2015/NĐ-CP đối với quản lý theo Biểu mẫu số: 06.A, 06.B, 06.C kèm theo tại Điều 16 Thông tư số 200/2015/TT-BTC trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

## **Chương VI** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 23. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện và theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Đối với các cơ quan liên quan

a) Phối hợp với Sở Tài chính triển khai thực hiện và theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

b) Đối với Sở Nội vụ, Thuế tỉnh, Thanh tra tỉnh, định kỳ hàng năm, có thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính đối với các doanh nghiệp có vi phạm về thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước theo các lĩnh vực trước ngày 30 tháng 3 năm tiếp theo:

Sở Nội vụ: Việc chấp hành pháp luật lao động, chính sách tiền lương;

Thanh tra tỉnh: Các sai phạm (nếu có) việc thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước trong việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu;

Thuế tỉnh: Việc chấp hành pháp luật về thuế đối với các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

c) Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh có trách nhiệm

Đăng tải thông tin công bố của UBND tỉnh theo Quy chế này.

3. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty các Công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm căn cứ Quy chế này và các quy định hiện hành thực hiện giám sát tài chính, quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, các kế hoạch đã được phê duyệt; đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin doanh nghiệp theo quy định.

4. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có trách nhiệm:

a) Thực hiện đầy đủ, chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và các quy định có liên quan.

b) Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo của các doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này. Kịp thời báo cáo UBND tỉnh để cảnh báo doanh nghiệp trong trường hợp phát sinh những rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh.

5. Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước có trách nhiệm:

a) Thực hiện đầy đủ, chức năng, nhiệm vụ, chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện các biện pháp giám sát chặt chẽ, nghiêm túc, nhằm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, kịp thời phát hiện các vấn đề có khả năng gây ảnh hưởng đến tình hình tài chính và vốn nhà nước tại doanh nghiệp báo cáo UBND tỉnh và Sở Tài chính để xem xét xử lý.

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó; trường hợp nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2025/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 15 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2024/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 69/2023/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện vốn chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 105/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6143/TTr-STC ngày 02/12/2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2025.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình làm đại diện chủ sở hữu hết hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Công ty, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu và các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **QUY CHẾ**

**Hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND)

### **CHƯƠNG I Quy định chung**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu (viết tắt là Công ty) theo khoản 1 Điều 10 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, gồm:

a) Phạm vi, nội dung thực hiện các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được giao của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên;

b) Cơ chế phối hợp; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp đối với hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên;

c) Cơ chế phối hợp, báo cáo, xin ý kiến giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu và Ban kiểm soát, Kiểm soát viên trong thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao;

d) Cơ chế đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên;

đ) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, điều kiện làm việc, định mức chi phí công tác, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

2. Những vấn đề có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên chưa được nêu trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu;

2. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Công ty do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu;

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong phạm vi Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Cơ quan đại diện chủ sở hữu” là Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2. “Ban kiểm soát, Kiểm soát viên” (bao gồm chuyên trách và không chuyên trách) công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là các cá nhân do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 103, Điều 104, Điều 105, Điều 106, Điều 107, Điều 108 của Luật số 59/2020/QH14; quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP và quy định khác có liên quan.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG THỰC HIỆN QUYỀN, NGHĨA VỤ, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CỦA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN**

#### **Điều 4. Hoạt động giám sát, đánh giá của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên**

1. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật; quy định nội bộ, nghị quyết, quyết định và các văn bản chỉ đạo khác của các cấp có thẩm quyền của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo phương thức trực tiếp, gián tiếp đối với hoạt động của Công ty.

#### **2. Phương thức giám sát**

a) Giám sát gián tiếp: Thông qua các tài liệu, báo cáo và thông tin thu thập được từ nhiều nguồn khác nhau; Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thực hiện giám sát, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để kiến nghị các vấn đề cần sửa đổi, bổ sung.

Nếu phát hiện ở Công ty có dấu hiệu vi phạm về thực hiện chế độ, chính sách của nhà nước, các quy định về quản lý tài chính, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải có ý kiến đề Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty xem xét, có sự khắc phục và điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp không thể

khắc phục, điều chỉnh thì phải báo cáo bằng văn bản, đề xuất biện pháp xử lý và xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Giám sát trực tiếp: Ban kiểm soát, Kiểm soát viên trực tiếp làm việc với các phòng chuyên môn nghiệp vụ trong Công ty và các chi nhánh, các văn phòng đại diện thuộc Công ty để thực hiện việc giám sát, kiểm tra các chứng từ, tài liệu, đối chiếu với các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; kiến nghị những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi và thông báo với Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Công ty để xem xét, điều chỉnh công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và đầu tư cho phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

### 3. Nội dung giám sát

a) Giám sát định kỳ: Căn cứ kế hoạch, chương trình công tác giám sát, kiểm tra hằng năm của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thông báo nội dung, địa điểm, thời gian và đối tượng giám sát, kiểm tra với Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Công ty và đối tượng được giám sát trước khi thực hiện. Cụ thể: Giám sát việc thực hiện quản lý điều hành của Công ty theo Luật số 59/2020/QH14, Điều lệ Công ty; việc chấp hành, tuân thủ các quy định về hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật tại Công ty; việc thực hiện các quy chế, quy trình quản lý hoạt động nội bộ Công ty; bảo toàn và phát triển vốn; việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước và chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn; quản lý vốn đầu tư tại công ty con, công ty liên kết; kiểm tra, kiểm soát chi tiết các tài liệu, chứng từ kế toán và tài liệu liên quan; việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, chế độ tiền lương, tiền thưởng, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty theo quy định pháp luật; các công việc phát sinh thực tế khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

b) Giám sát đột xuất: Khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền; do yêu cầu công việc phải giám sát đột xuất hoặc có đơn thư khiếu nại, tố giác cần phải xác minh; Ban kiểm soát, Kiểm soát viên quyết định thực hiện việc giám sát đột xuất; đồng thời, thông báo nội dung, địa điểm, thời gian và đối tượng giám sát với Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Công ty và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi thực hiện.

### **Điều 5. Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên**

1. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên chủ động và độc lập thực hiện nhiệm vụ và công việc được phân công, chịu trách nhiệm trước pháp luật, quy chế này và quy định có liên quan.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch công tác xây dựng hàng năm, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải chủ động công việc ngoài phạm vi kế hoạch mà không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cần phát hiện kịp thời những sai phạm hoặc những dấu hiệu vi phạm pháp luật, ghi nhận lại sự việc đưa ra các kiến nghị, giải pháp khắc phục (nếu có), đồng thời báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Công ty để phối hợp đưa ra các biện pháp xử lý kịp thời.

2. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên được sử dụng con dấu của Công ty cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

### **Chương III**

## **CƠ CHẾ PHỐI HỢP; QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP, NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN**

**Điều 6. Cơ chế phối hợp giữa Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và Công ty, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Công ty**

1. Đối với Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

a) Khi xem xét, đánh giá các báo cáo của Công ty nếu cần làm rõ về các nội dung giám sát, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên yêu cầu Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Công ty, phòng chuyên môn phối hợp cung cấp báo cáo, hợp đồng, sổ sách kế toán và tài liệu hoặc giải trình những vấn đề liên quan;

b) Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp giao ban, họp lãnh đạo Công ty mở rộng, họp chuyên đề và các cuộc họp khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty và có quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết;

c) Ban kiểm soát, Kiểm soát viên gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh thì đồng thời gửi cho Công ty, trừ trường hợp có quy định khác của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty.

a) Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty có quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh thông tin đầy đủ, kịp thời về việc bổ nhiệm Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, chế độ hoạt động và nội dung nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty;

b) Công ty phải đảm bảo gửi thông tin đến Ban kiểm soát, Kiểm soát viên cùng một thời điểm và phương thức như đối với Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty về các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên;

c) Phối hợp cùng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên nắm bắt các thông tin về việc triển khai, thực hiện nội dung kiểm tra, giám sát. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty phải có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu phục vụ cho Ban kiểm soát, Kiểm soát viên; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác về các thông tin, tài liệu, báo cáo đã cung cấp cho Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

d) Tổ chức, bố trí nơi làm việc, cơ sở vật chất, trang thiết bị công tác và các khoản chi phí khác phục vụ cho hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật;

đ) Chủ động phối hợp với Ban kiểm soát, Kiểm soát viên trong cuộc họp chuyên đề và các cuộc họp khác để cùng tham gia đóng góp ý kiến vào các phương án, mục tiêu, chiến lược kinh doanh cũng như góp ý vào các nội quy, quy chế của Công ty góp phần hoàn thiện hơn và đúng với quy định của pháp luật;

e) Chủ động phối hợp cùng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên khắc phục những kiến nghị, thực hiện các kết luận mà Ban kiểm soát, Kiểm soát viên đã đưa ra qua các cuộc kiểm tra, giám sát (nếu có) hoặc các yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

f) Trường hợp Ban kiểm soát, Kiểm soát viên có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ quy định tại Quy chế này, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty có quyền báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.

3. Quan hệ làm việc của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên với Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty theo nguyên tắc tuân thủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các bên và đảm bảo tính độc lập của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; đồng thời phối hợp trong công việc; không gây khó khăn, cản trở lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

**Điều 7. Cơ chế phối hợp, báo cáo, xin ý kiến giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban kiểm soát, Kiểm soát viên trong thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị

- a) Phê duyệt kế hoạch công tác hàng năm của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên;
- b) Theo dõi, giám sát, đánh giá, tổng hợp và xử lý các công việc liên quan đến hoạt động, quản lý, chế độ chính sách của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên;
- c) Thông báo đầy đủ cho Ban kiểm soát, Kiểm soát viên về quyết định của mình liên quan đến nghĩa vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và các quyết định khác liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty;
- d) Có ý kiến kịp thời bằng văn bản những kiến nghị, đề xuất (nếu có) và các nội dung phát sinh đột xuất, có tính cấp bách mà Ban kiểm soát, Kiểm soát viên gửi ý kiến đến Ủy ban nhân dân tỉnh;
- đ) Thông báo cho Công ty và các cơ quan liên quan về việc ra quyết định bổ nhiệm Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và hiệu lực thi hành để Công ty thu xếp nơi làm việc và cung cấp trang thiết bị công tác phục vụ cho công việc của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

## 2. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

a) Ban kiểm soát, Kiểm soát viên chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thực hiện các yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật; có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động của Công ty, kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời bằng văn bản các vấn đề trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định tại Quy chế này.

b) Định kỳ trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc báo cáo tài chính quý (đối với Công ty lựa chọn quyết toán Báo cáo tài chính quý/lần) hoặc 06 tháng (đối với Công ty lựa chọn quyết toán Báo cáo tài chính 06 tháng/lần) và ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc báo cáo tài chính năm, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải gửi cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo bằng văn bản về tình hình thực hiện và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty và dự kiến phương hướng, kế hoạch hoạt động trong kỳ tới.

## **Chương IV**

### **CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ NHIỆM VỤ CỦA TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN**

#### **Điều 8. Quy trình, trình tự thủ tục đánh giá**

1. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên: Viết bản tự nhận xét, đánh giá và tự nhận mức độ xếp loại (theo mẫu phụ lục kèm theo Quy chế này) gửi về Sở Tài chính tổng hợp.

2. Trên cơ sở bản tự nhận xét, đánh giá mức độ xếp loại chất lượng của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Sở Tài chính tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức đánh giá, xếp loại chất lượng đối với Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên theo quy định.

3. Đối với Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên không chuyên trách: việc xếp loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên là một phần nội dung để người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với công chức.

### **Chương V**

#### **TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC, ĐỊNH MỨC CHI PHÍ CÔNG TÁC, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN**

##### **Điều 9. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, điều kiện làm việc, định mức chi phí công tác, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên**

1. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên được hưởng tiền lương, thù lao, tiền thưởng căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, điều kiện làm việc, định mức chi phí công tác, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định; được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty.

3. Chế độ chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên được hưởng chế độ phúc lợi, ưu đãi và tham gia các hoạt động xã hội, đoàn thể khác của Công ty như cán bộ, nhân viên và người lao động của Công ty.

### **Chương VI**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ quy định tại Quy chế này, Sở Tài chính, Sở Nội vụ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó; trường hợp nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, công ty phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG  
KIỂM SOÁT VIÊN HÀNG NĂM**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND)

**BẢN TỰ NHẬN XÉT  
ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG  
NĂM .....**

- Họ và tên .....

- Chức vụ .....

- Kết quả xếp loại Đảng viên (đối với Kiểm soát viên là Đảng viên) .....

<b>TT</b>	<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>Mức quy định</b>	<b>Cá nhân tự nhận đánh giá</b>	<b>Cơ sở đánh giá (nêu kết quả cụ thể hoặc tài liệu kiểm chứng)</b>
1	Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh, lễ lối làm việc chuẩn mực	1. Đạt 2. Chưa đạt		
2	Luôn gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; điều lệ, nội quy, quy chế của doanh nghiệp	1. Đạt 2. Chưa đạt		
3	Việc chấp hành và tuân thủ chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu	1. Đạt 2. Chưa đạt		
4	Hoàn thành tốt việc khắc phục các hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra (nếu có)	1. Đã khắc phục 2. Chưa khắc phục		
5	Kết quả thực hiện nhiệm	Theo mức độ hoàn		

<p>vụ được giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng chương trình công tác năm đúng thời hạn;</li> <li>- Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực căn trọng của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Công ty trong Điều lệ của Công ty, quy chế tài chính và quy chế khác của Công ty, tổ chức sắp xếp đổi mới doanh nghiệp;</li> <li>- Giám sát hoạt động của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm, hàng năm của doanh nghiệp; bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp;</li> <li>- Giám sát hoạt động của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện chế độ tài chính, thuế, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp, chế độ tiền lương, tiền thưởng;</li> <li>- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác theo quy định kịp thời, chính xác;</li> </ul>	<p>thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đạt 100%.</li> <li>2. Đạt từ 90% trở lên</li> <li>3. Đạt từ 70 đến dưới 90%.</li> <li>4. Đạt dưới 70%</li> </ol>		
---	---	--	--

<p>- Phản ánh đầy đủ, kịp thời và chính xác cho Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của Công ty và việc thực hiện các nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp mình kiểm soát;</p> <p>- Chủ động báo cáo và khuyến nghị kịp thời tới Ủy ban nhân dân tỉnh về những sai phạm, những hoạt động bất thường, trái với pháp luật và các quy định của tỉnh; kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh;</p> <p>- Thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình công tác hàng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (đối chiếu với kết quả thực hiện với chương trình công tác).</p>			
--	--	--	--

**CÁ NHÂN TỰ XẾP LOẠI:** (Đánh dấu X vào một trong 04 tương ứng dưới đây)

<p>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (các nội dung 1, 2, 3, 4, 5 đạt mức 1)</p>	<p>Hoàn thành tốt nhiệm vụ (các nội dung 1, 2, 3, 4 đạt mức 1 và nội dung 5 đạt mức 2)</p>	<p>Hoàn thành nhiệm vụ (các nội dung 1, 2, 3, 4 đạt mức 1 và nội dung 5 đạt mức 3)</p>	<p>Không hoàn thành nhiệm vụ (các nội dung 1, 2, 3, 4 đạt mức 1 và nội dung 5 đạt mức 4)</p>
--	--	--	--

Quảng Trị, ngày tháng năm .....

**Người tự nhận xét, đánh giá**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/2025/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 15 tháng 12 năm 2025

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức hỗ trợ tiền ăn đối với các lực lượng và những người được điều động, huy động tham gia chữa cháy rừng ở cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hằng ngày trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 31/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 58/2024/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định mức hỗ trợ tiền ăn đối với các lực lượng và những người được điều động, huy động tham gia chữa cháy rừng ở cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hằng ngày trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quyết định này quy định mức hỗ trợ tiền ăn cho các lực lượng và những người tham gia chữa cháy rừng (bao gồm cả người hưởng lương và người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo lệnh điều động, huy động của người có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Quảng Trị khi chữa cháy rừng ở cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hằng ngày theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.

## 2. Đối tượng áp dụng:

a) Chủ rừng theo quy định tại Điều 8 của Luật số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 31/2024/QH15; Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê; Cơ quan Kiểm lâm các cấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các lực lượng tham gia chữa cháy rừng.

b) Các Sở, ngành, cơ quan, địa phương có liên quan.

### **Điều 2. Mức hỗ trợ tiền ăn**

1. Hỗ trợ mỗi suất ăn bằng 0,4 ngày lương tối thiểu vùng của vùng thấp nhất trên địa bàn tỉnh.

2. Số suất ăn hỗ trợ cho mỗi ngày trong thời gian chữa cháy rừng được tính như sau: Thời gian tham gia chữa cháy rừng trong ngày từ 05 giờ trở xuống được hỗ trợ 01 suất ăn; từ trên 05 giờ đến 10 giờ được hỗ trợ 02 suất ăn; từ trên 10 giờ được hỗ trợ 03 suất ăn.

Thời gian chữa cháy rừng được tính theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

### **Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2025. Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức chi cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được huy động tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XII; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Bảo**

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60/NQ-HĐND

*Quảng Trị, ngày 11 tháng 12 năm 2025***NGHỊ QUYẾT****Kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 5***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;**Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;**Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;**Xét Tờ trình số 2181/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Thông qua kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030 với các nội dung sau:**

## 1. Mục tiêu tổng quát

Huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, giải quyết hài hòa các vấn đề phát triển kinh tế xã hội và môi trường, đảm bảo an ninh quốc phòng của địa phương và an sinh xã hội, các đề án nghị quyết của địa phương gắn với các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I nhiệm kỳ 2025 - 2030. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, gắn liền với việc sắp xếp tổ chức lại bộ máy tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

## 2. Chỉ tiêu cụ thể

a) Về thu ngân sách: Phần đầu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 75.000 - 80.000 tỷ đồng. Trong đó:

- Thu nội địa khoảng 62.061 tỷ đồng;
- Thu xuất nhập khẩu khoảng 15.718 tỷ đồng.

b) Về chi ngân sách: Tổng chi ngân sách địa phương quản lý khoảng 132.430 tỷ đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 24.815 tỷ đồng.
- Chi thường xuyên: 107.267 tỷ đồng.
- Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay: 348 tỷ đồng.

c) Mức vay, trả nợ vay ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030

- Hạn mức dư nợ vay tối đa: 34.754 tỷ đồng
- Dư nợ đầu kỳ 01/01/2026: 1.259 tỷ đồng.
- Trả nợ gốc trong kỳ ước thực hiện: 693,6 tỷ đồng.
- Vay trong kỳ ước thực hiện: 569,4 tỷ đồng.
- Dư nợ cuối kỳ 31/12/2030: 1.188,6 tỷ đồng.

## 3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030

a) Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng trong các khu kinh tế, khu công nghiệp. Tăng cường huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển nền kinh tế. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là khu vực nông nghiệp nông thôn. Phát triển kết cấu hạ

tăng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, phát triển đô thị và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới.

b) Tổ chức thực hiện tốt Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý thuế và các văn bản khác về nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước theo Nghị quyết của Quốc hội. Quyết liệt thực hiện công tác thu ngân sách nhà nước, phấn đấu hoàn thành dự toán thu được giao ở mức cao nhất. Đảm bảo bao quát toàn bộ nguồn thu, nâng cao năng lực hoạt động quản lý thuế để phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế, thực hiện quản lý thuế điện tử, quản lý rủi ro, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cũng như tạo môi trường thuận lợi, rõ ràng, minh bạch để người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước. Các cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ trong quản lý thu, chống thất thu, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn, lậu thuế, phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Chỉ đạo theo dõi, nắm bắt tình hình, bám sát kế hoạch xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp có số thu lớn để kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu và đồng hành cùng doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, điện tử hóa, kết nối đồng bộ cơ sở thông tin dữ liệu ngành thuế với hệ thống dữ liệu của các cơ quan quản lý nhà nước khác để tăng cường hiệu quả quản lý nguồn thu, nhất là các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản.

c) Các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh khai thác nguồn thu từ quỹ đất, tiếp tục rà soát quỹ đất trên địa bàn, thực hiện tốt công tác đo đạc, thu hồi, giao thuê đất, chuyển quyền, chuyển mục đích sử dụng đất; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để đẩy mạnh việc khai thác quỹ đất để thực hiện các dự án khu dân cư, dự án khu du lịch. Xây dựng và hoàn thiện giá các loại đất trên địa bàn theo lộ trình tiến đến sát với giá thị trường. Tăng cường quản lý và khai thác có hiệu quả các khoản thu từ đất và nguồn thu từ các khu công nghiệp và khu kinh tế. Triển khai đấu giá các khu đất thương mại tạo nguồn thu lớn cho tỉnh. Đồng thời, đôn đốc thu tiền sử dụng đất, kiên quyết xử lý thu hồi các dự án chậm triển khai mà không có lý do chính đáng, các dự án không thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của Luật thuế hiện hành. Các địa phương thực hiện ứng vốn từ Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng và triển khai các dự án bất động sản trên địa bàn. Từ đó, thực hiện bán đấu giá để tăng nguồn thu cho ngân sách và bổ sung nguồn lực cho các công trình trọng điểm của tỉnh.

d) Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về thu hút đầu tư các dự án trọng

điểm vào tỉnh, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được khởi công, xúc tiến các công việc liên quan đến triển khai các dự án; đẩy nhanh công tác đền bù giải phóng mặt bằng, thực hiện đúng các cam kết đã ký với các nhà đầu tư. Thực hiện các biện pháp khuyến khích, đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các mặt hàng có giá trị cao của tỉnh.

e) Nâng cao hiệu quả phân bổ, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính. Đẩy mạnh cơ cấu lại chi đầu tư công gắn với hiệu quả, hiệu lực phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, cải thiện vai trò dẫn dắt, vốn ban đầu của nguồn lực ngân sách nhà nước, đẩy mạnh thu hút các nguồn lực vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước để tăng nguồn lực đầu tư toàn xã hội; tập trung bố trí vốn cho các công trình, dự án quan trọng, cấp thiết có tính lan tỏa, tác động nhanh đến phát triển các ngành, lĩnh vực, địa bàn để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý chi thường xuyên, đẩy mạnh cơ chế khoán, đấu thầu, đặt hàng, tăng cường phân cấp, trao quyền tự chủ, khuyến khích sử dụng nguồn lực phù hợp với đặc thù của từng đơn vị, địa phương trong sử dụng ngân sách nhà nước; tăng cường nguồn lực chi đầu tư phát triển con người nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy tăng năng suất lao động, đảm bảo nguồn lực tiếp tục thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.

f) Đẩy mạnh việc quản lý, điều hành tài chính ngân sách theo kế hoạch trung hạn; thực hiện quản lý chi ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, đảm bảo bố trí đủ nguồn để thanh toán trả nợ đầy đủ, đúng hạn các khoản vay của chính quyền địa phương; tiếp tục quán triệt nguyên tắc vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng cho chi đầu tư phát triển bảo đảm cân đối ngân sách tích cực, kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách địa phương không vượt quá 80% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

g) Thực hiện điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp, chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; quản lý chặt chẽ, chi trong phạm vi dự toán được giao; yêu cầu các chủ đầu tư tập trung thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, của Ủy ban nhân dân tỉnh. Phân cấp thu, chi cho từng cấp ngân sách trên tinh thần Luật Ngân sách nhà nước, tăng tính chủ động của từng cấp trong cân đối ngân sách, tăng sự quan tâm bồi dưỡng khai thác các nguồn thu trên địa bàn để đáp ứng nhu cầu chi. Gắn việc quản lý, điều hành các nhiệm vụ chi với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi cấp chính quyền.

h) Kiểm soát chặt chẽ nợ công trong giới hạn cho phép của địa phương. Tăng

cường quản lý, giám sát chặt chẽ đầu tư công. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay, chỉ tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm, thật sự có hiệu quả và đảm bảo được khả năng cân đối nguồn vốn trả nợ. Đồng thời ưu tiên bố trí nguồn kinh phí trả nợ gốc, nợ lãi các khoản vay của tỉnh. Hạn chế khởi công các dự án mới không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030, các dự án chưa xác định được nguồn vốn. Tính toán chi tiết các khoản vay đến hạn phải trả để ưu tiên bố trí nguồn vốn trả nợ theo kế hoạch của Trung ương giao. thực hiện công khai hóa, minh bạch hóa thông tin về đầu tư; tăng cường thẩm quyền và năng lực của hệ thống giám sát đối với đầu tư công.

i) Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện giao quyền tự chủ toàn diện cho khu vực sự nghiệp công lập trên cơ sở tính đúng, tính đủ giá dịch vụ công theo lộ trình, đảm bảo công khai, minh bạch. Nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; bảo toàn, phát triển vốn và các nguồn lực Nhà nước giao; đảm bảo việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thiết yếu nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội; nâng cao hiệu lực công tác quản lý, giám sát của cơ quan nhà nước. Tiếp tục rà soát kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật; thúc đẩy công khai, minh bạch thông tin và tăng cường trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp.

k) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách nhà nước, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra phòng chống tham nhũng, lãng phí. Đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế theo quy định của Trung ương.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân khóa VIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 63/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc cho ý kiến về dự kiến Kế hoạch đầu tư công  
nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2026 (lần 1)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;*

*Căn cứ Văn bản số 15929/BTC-NSNN ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính về thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Xét Tờ trình số 2141/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương năm 2026 (lần 1); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2026 (lần 1) như sau:**

Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương dự kiến năm 2026 là 573.542 triệu đồng, gồm:

- Vốn trong nước: 260.505 triệu đồng;
- Vốn nước ngoài: 313.037 triệu đồng.

*(Chi tiết tại các Phụ lục 1, 2 kèm theo)*

### **Điều 2: Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Quang**

**Phụ lục 1**

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Dự kiến kế hoạch NSTW năm 2026	Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
					Tổng số				Trong đó: NSTW
	<b>TỔNG SỐ</b>				<b>2.090.566</b>	<b>1.547.511</b>	<b>1.214.820</b>	<b>260.505</b>	
<b>I</b>	<b>Các dự án quan trọng quốc gia, chương trình, nhiệm vụ, dự án trọng điểm được xác định tại dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV</b>								
	<i>Dự án khởi công mới</i>								
1	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua khu vực cầu Cửa Việt (cầu Cửa Việt và đường hai đầu cầu) và đoạn từ đường Dương Khê đến ranh giới tỉnh Thừa Thiên Huế	Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng	2026-2030		900.000	900.000	900.000	150.000	
<b>II</b>	<b>Khu công nghiệp và khu kinh tế</b>								
	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn</i>								

	<i>2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030</i>								
1	Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 2)	Hải Lăng	2023-2026	3080/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	268.868	268.868	138.868	65.505	
<b>III</b>	<b>Đổi ứng ODA</b>								
	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030</i>								
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM), dự án thành phần tỉnh Quảng Trị	Xã Hướng Hiệp, A Dơi, Khe Sanh, Hướng Lập, Lia, Đakrông, Ba Lòng, Hướng Phùng	2022-2027	Quyết định: số 4301/QĐ-UBND ngày 20/12/2021, số 777/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	921.698	378.643	175.952	45.000	

**Phụ lục 2**

**DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY UÙ ĐÃI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**Đơn vị tính: Triệu đồng**

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch năm 2025 (bao gồm KH 2024 kéo dài sang năm 2025)		Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030			Vốn nước ngoài (nguồn cấp phát từ NSTW)	Ghi chú		
		Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Kế hoạch trung hạn đã giao		Đã bố trí kế hoạch các năm 2021-2025		Đã giải ngân đến hết năm 2024		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (nguồn cấp phát từ NSTW)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (nguồn cấp phát từ NSTW)					
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (nguồn cấp phát từ NSTW)	Vốn nước ngoài (nguồn cấp phát từ NSTW)	Vốn nước ngoài (nguồn cấp phát từ NSTW)	Tổng vốn đối ứng	Trong đó: vốn NSTW	Tổng vốn đối ứng		Trong đó: vốn NSTW							
				Tổng vốn đối ứng	Trong đó: vốn NSTW									Tổng vốn đối ứng		Trong đó: vốn NSTW			Tổng vốn đối ứng	Trong đó: vốn NSTW
	<b>TỔNG SỐ</b>		2.464.715	218.377	178.000	654.316	77.149	49.448	255.231	31.100	20.100	-	36.890	20.189	255.231	290.671	175.952	1.201.404	313.037	
<b>I</b>	<b>Các dự án chuyên tiếp, hoàn thành trong năm 2026</b>																			
<b>a</b>	<b>Bảo vệ môi trường</b>																			
1	Dự án Nâng cao năng lực thu gom, xử lý chất thải rắn bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị	2957/QĐ-UBND Ngày 04/12/2024	45.000	5.056	-	21.945	2.500	-	12.000	-	-	-	2.500	-	12.000	5.926	-	24.574	24.500	Hoàn thành
<b>b</b>	<b>Cấp nước, thoát nước</b>																			

1	Dự án Cấp nước sạch và Quản lý tài nguyên nước tại ba xã miền núi Cam Chính - Cam Nghĩa - Cam Tuyên, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	3271/QĐ-UBND ngày 0/12/2024; 2527/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	40.703	5.000	-	18.000	2.200	-	9.245	-	-	-	2.200	9.245	8.686	-	20.572	20.500	Hoàn thành	
<b>II</b>																				
<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2026</b>																				
a	<b>Công trình công cộng tại đô thị</b>																			
1	Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà	2469/QĐ-UBND ngày 27/10/2023, 2630/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	1.152.920	22.210	-	205.928	18.666	-	180.228	11.000	-	7.666	-	180.228	87.784	-	504.502	181.000	Chuyển tiếp	
b	<b>Giao thông</b>																			
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM), dự án thành phần tỉnh Quảng Trị	Quyết định: số 4301/QĐ-UBND ngày 20/12/2021, số 777/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	921.698	178.000	178.000	200.643	49.448	49.448	-	20.100	20.100	-	20.189	20.189	-	175.952	175.952	417.779	60.000	Chuyển tiếp
c	<b>Xã hội</b>																			

1	Trung tâm Bảo trợ xã hội và Phục hồi chức năng cho người khuyết tật tỉnh Quảng Trị	2663/QĐ-UBND ngày 07/11/2024; QĐ số 732/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	293.311	7.676	-	207.800	3.900	-	53.758	-	-	-	3.900	-	53.758	11.610.5	-	224.042	25.000	Chuyển tiếp
<b>d</b>	<b>Bảo vệ môi trường</b>																			
1	Dự án Tăng cường sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu và cung cấp, quản lý nguồn nước sạch cho người dân vùng nông thôn tại xã Kim Ngân và Lệ Ninh, tỉnh Quảng Trị	216/NQ-HĐND ngày 11/12/2024; 2784/QĐ-UBND ngày 24/11/2025	11.083	435	-	-	435	-	-	-	-	-	435	-	-	713		9.935	2.037	Chuyển tiếp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 65/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Biên chế cán bộ, công chức của các cơ quan, tổ chức hành chính  
và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12; được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 52/2019/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông báo số 96-TB/TU ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 5 về kế hoạch biên chế cán bộ, công chức và số người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập năm 2026;*

*Xét Tờ trình số 2200/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về biên chế cán bộ, công chức và số người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập năm 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan thuộc chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2026, như sau:

1. Biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan thuộc chính quyền địa phương cấp tỉnh: 2.033 biên chế (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

2. Tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã: 3.646 biên chế.

3. Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước (biên chế sự nghiệp) trong các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Từ ngày 01/01/2026: 34.694 biên chế.

- Trước ngày 01/01/2027: 34.635 biên chế.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; quản lý chặt chẽ biên chế được giao; chỉ đạo việc tuyển dụng công chức, viên chức còn thiếu theo nhu cầu vị trí việc làm nhằm phát huy hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị gắn với yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy; đề nghị Trung ương xem xét bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục theo định mức quy định, biên chế sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã mới thành lập, bảo đảm đủ nguồn nhân lực để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để điều hành linh hoạt biên chế sự nghiệp công lập được giao.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 từ nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;*

*Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 2117/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 từ nguồn viện trợ không hoàn lại của tổ chức nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Bổ sung dự toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025 khoản viện trợ không hoàn lại của cơ quan, tổ chức nước ngoài để thực hiện ghi thu, ghi chi vào ngân sách tỉnh, như sau:**

1. Bổ sung dự toán thu ngân sách cấp tỉnh năm 2025 khoản viện trợ không hoàn lại của cơ quan, tổ chức nước ngoài, số tiền 1.797 triệu đồng;

2. Bổ sung dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025 từ khoản viện trợ không hoàn lại của cơ quan, tổ chức nước ngoài, số tiền 1.797 triệu.

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Quang**

**Phụ lục**  
**GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025 NGUỒN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI CỦA**  
**NƯỚC NGOÀI**

(Kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**Đơn vị: Triệu đồng**

TT	Tên dự án	Chủ khoản viện trợ	Tên tổ chức tài trợ	Cơ quan phê duyệt	Quyết định thành lập của UBND tỉnh	Thời gian thực hiện	Tổng vốn viện trợ								Số tiền ghi thu, ghi chi NSNN năm 2025	
							Số viện trợ theo ngoại tệ					Số tiền VNĐ quy đổi (triệu đồng)				
							Tổng	Viện trợ bằng tiền	Viện trợ bằng hiện vật	Đổi ứng bằng tiền	Đổi ứng bằng hiện vật	Tổng viện trợ	Viện trợ bằng tiền	Viện trợ bằng hiện vật		Đổi ứng
	<b>Tổng cộng</b>											1.797	-	1.797	-	1.797
1	Ban quản lý Dự án "Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC)" tỉnh Quảng Trị. (Viết tắt là Ban quản lý dự án VFBC Quảng Trị)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID)	Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	1515/QĐ-UBND ngày 15/06/2021, 1946/QĐ-UBND ngày 09/10/2025	Tháng 6/2021 đến ngày 31/12/2025						987		987		987
2	Ban quản lý Dự án "Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn Đa dạng sinh học tỉnh Quảng Bình (tên viết tắt là Dự án VFBC Quảng Bình)"	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2600/QĐ-UBND ngày 16/08/2021, 1946/QĐ-UBND ngày 09/10/2025	Tháng 4/2021 đến ngày 31/12/2025						810		810		810

---

VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG TRỊ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 06 Hùng Vương - Đồng Hới - Quảng Trị;

Điện thoại: 0233. 6296565;

Fax: 0232.3821729;

Email: [congbao@quangtri.gov.vn](mailto:congbao@quangtri.gov.vn);

Website: <https://congbao.quangtri.gov.vn>;